

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trung S - sinh năm: 1973.

Địa chỉ: tổ Dân phố B, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu T - sinh năm: 1968.

Địa chỉ: số 317/10, đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Trung S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông S và bà T chung sống vợ chồng từ năm 2004, không có tổ chức đám cưới. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/5/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống, đời sống tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp, không còn quan tâm lẫn nhau, không có tiếng nói chung. Do đó, ông S đã bỏ về Khánh Hòa sinh sống, vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay tình cảm không còn, ông S yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N U - sinh ngày: 13/10/2004 và Nguyễn Ngọc U N - sinh ngày: 31/7/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với bà T*). Khi ly hôn, ông S đồng ý giao 02 con chung cho bà T được quyền nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông S tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 03 năm thì chung sống với nhau N vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức đám cưới do cha mẹ bà T không đồng ý vì quê của ông S ở xa, bà T thì lớn tuổi hơn ông S. Bà T và ông S chung sống với nhau N vợ chồng đến ngày 17/5/2010 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, ông S không phụ tiếp bà T buôn bán, chăm sóc con chung nên vợ chồng thường hay cự cãi gây gổ. Từ năm 2017, ông S bỏ về quê ở Cam Ranh, Khánh Hòa sinh sống cho đến nay; trong khoảng thời gian này, ông S không tới lui, không liên lạc hỏi thăm vợ con. Đến năm 2020, bà T nhận thấy không thể hàn gắn lại với ông S, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà T chủ động liên hệ với ông S đề nghị ly hôn và ông S cũng đồng ý. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn, mẹ ông S đã lớn tuổi nên ông S đã làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông S.

Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn. Bà T đồng ý ly hôn ông S.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N U - sinh ngày: 13/10/2004 và Nguyễn Ngọc U N - sinh

ngày: 31/7/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với bà T*). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của ông S và bà T là cháu Nguyễn Ngọc N U và Nguyễn Ngọc U N trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Trung S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trung S.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Nguyễn Ngọc N U - sinh ngày: 13/10/2004 và Nguyễn Ngọc U N - sinh ngày: 31/7/2006 cho bà T được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Trung S khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Trung S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Trung S về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy: ông S và bà T quen biết tìm hiểu và tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức đám cưới. Đăng ký kết hôn (*trễ hạn*) vào ngày 17/5/2010, tại UBND Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông S và bà T đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, ông S không phụ tiếp, giúp bà T trong việc buôn bán, chăm sóc con chung nên vợ chồng thường hay cự cãi, gây gổ... làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay; trong khoảng thời gian này, hai bên cũng không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi hay quan tâm đến nhau; cả hai đều không mong muốn tìm gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, bà T xác định là không còn tình cảm với ông S, cuộc sống hôn nhân với ông S không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì bà T cũng không sống chung với ông S.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Nếu ông S và bà T đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc yêu cầu ly hôn của ông S và nguyện vọng được ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà T có yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N U - sinh ngày: 13/10/2004 và Nguyễn Ngọc U N - sinh ngày: 31/7/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với bà T*). Về phía ông S cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà T được quyền nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn. Xét yêu cầu của bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn và sự tự nguyện

của ông S đồng ý giao 02 con chung cho bà T được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu U, N và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Ông S được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, ông S và bà T cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trung S. Cho ông Nguyễn Trung S ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N U - sinh ngày: 13/10/2004 và Nguyễn Ngọc U N - sinh ngày:

31/7/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với bà T*). Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Trung S cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Ông Nguyễn Trung S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Trung S nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, ông S đã nộp ngày 26/3/2021 theo biên lai thu số: 0013605 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trung S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP Sa Đéc, DT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh